

Số: 96 /TLTĐ-KHKT

Tam Đảo, ngày 12 tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 5 NĂM
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Những sự kiện quan trọng

1.1. Thành lập Công ty

Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Tam Đảo là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước; tiền thân là Xí nghiệp Dịch vụ thủy lợi, được thành lập theo Quyết định số 56a/QĐ-UB ngày 04/4/1988 của UBND huyện Tam Đảo; tháng 7/1998 đổi tên thành Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Tam Đảo tại Quyết định số 1786/QĐ-UB ngày 13/7/1998 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc; chuyển sang Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Tam Đảo tại Quyết định số 1540/QĐ-CT ngày 26 tháng 5 năm 2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

1.2. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ tại thời điểm doanh nghiệp được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Tam Đảo là: 66.849.689.438,00 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi sáu tỷ, tám trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng*). Là doanh nghiệp hạng II.

- Vốn điều lệ theo Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 26/04/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Tam Đảo là: 650.025.647.538 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng*).

2. Quá trình phát triển

2.1. Chức năng, nhiệm vụ

- Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Tam Đảo (gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích, có nhiệm vụ quản lý khai thác, đảm bảo an toàn cho các hồ chứa nước ven chân núi Tam Đảo, hệ thống công trình thủy lợi, điều tiết nước tưới, tiêu phục vụ cho 29.657,23ha/năm, trong đó tưới 14.701,68ha/năm đất sản xuất nông nghiệp và tiêu 14.955,65ha/năm cho khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị). Phục vụ đời sống dân sinh kinh tế xã hội trong địa bàn 18 xã thuộc 3 huyện: Tam Đảo, Tam Dương và Bình Xuyên.

- Hiện nay Công ty đang quản lý 132 hồ chứa nước, trong đó: 07 hồ chứa lớn, 01 hồ chứa nước vừa, 124 hồ chứa nhỏ; 34 trạm bơm điện, đầu cố định; 46

đập dâng ngang suối; 909,07 km kênh mương tưới; 78,8 km kênh tiêu; trên 1.624 công trình thủy lợi khác.

2.2. Mục tiêu kinh doanh

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và dịch vụ thủy lợi khác theo Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật.

- Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại doanh nghiệp, tối đa hóa hiệu quả kinh doanh trên cả hai mặt: Hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh tế; thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước; cải thiện nâng cao đời sống cán bộ, CNV-LĐ; hoàn thành các nhiệm vụ do chủ sở hữu giao.

2.3. Ngành nghề kinh doanh chính

Theo Giấy phép kinh doanh số 2500125378, ngành nghề được cấp phép chủ yếu là: Quản lý và vận hành hệ thống công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp; cung ứng nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác trong vùng; thi công xây dựng mới, tu bổ, sửa chữa, cải tạo và nâng cấp các công trình dân dụng, thủy lợi; thiết kế công trình dân dụng, thủy lợi; giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, dân dụng; tư vấn quản lý dự án, thẩm tra hồ sơ thiết kế và các dự toán công trình dân dụng, thủy lợi.

3. Tổ chức bộ máy, lao động

3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty

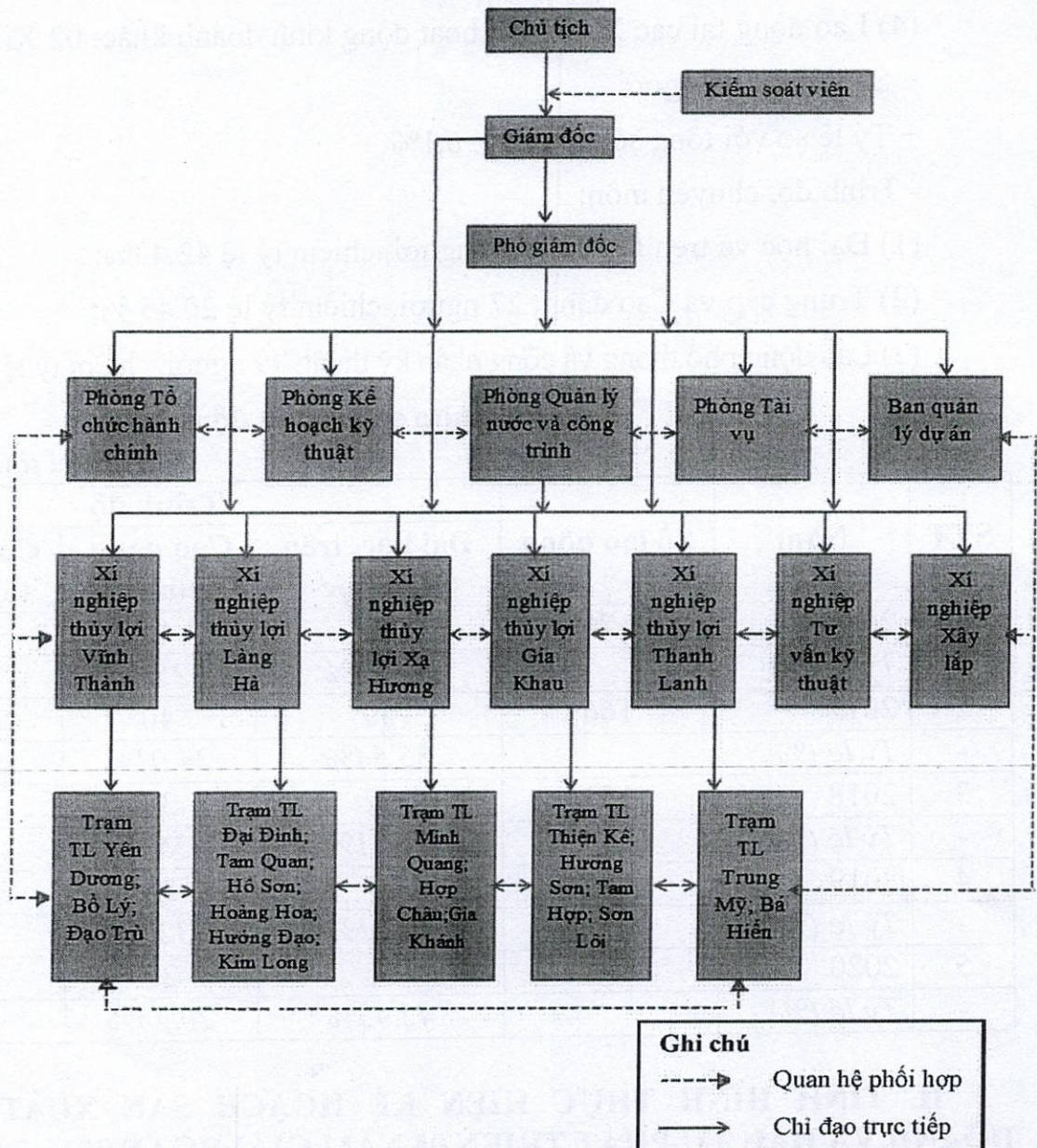
- Ban lãnh đạo: Lãnh đạo Công ty hiện nay có 02 người: Chủ tịch; Giám đốc. Tháng 8 năm 2020 đồng chí Phó Giám đốc được UBND tỉnh điều động chuyển công tác, nên hiện nay Công ty thiếu chức danh Phó Giám đốc.

- Các phòng, ban có 04 phòng chức năng: Tổ chức Hành chính, Tài vụ, Quản lý nước và Công trình, Kế hoạch Kỹ thuật.

- Các Xí nghiệp Thủy lợi: Có 05 Xí nghiệp Thủy lợi gồm: Vĩnh Thành, Làng Hà, Xạ Hương, Gia Khau, Thanh Lanh.

- Xí nghiệp hoạt động kinh doanh khác: Xí nghiệp Tư vấn Kỹ thuật và Xí nghiệp Xây lắp.

Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty



3.2. Lao động của Công ty

- Tổng số lao động của Công ty tính đến 01/12/2020: Tổng số viên chức quản lý chuyên trách và người lao động: 132 người.

(1) Viên chức quản lý:

+ Số lượng: 04 người

+ Tỷ lệ so với tổng số lao động: 3%

(2) Lao động tại các phòng, ban của Công ty: 04 phòng

+ Số lượng: 20 người

+ Tỷ lệ so với tổng số lao động: 15,2%

(3) Lao động tại các Xí nghiệp Thủy lợi: 05 Xí nghiệp

+ Số lượng: 100 người

+ Tỷ lệ so với tổng số lao động: 75,8%

(4) Lao động tại các Xí nghiệp hoạt động kinh doanh khác: 02 Xí nghiệp

+ Số lượng: 08 người

+ Tỷ lệ so với tổng số lao động: 6,1%

- Trình độ, chuyên môn:

(1) Đại học và trên Đại học: 56 người, chiếm tỷ lệ 42,43%;

(2) Trung cấp và Cao đẳng: 27 người, chiếm tỷ lệ 20,45 %;

(3) Lao động phổ thông và công nhân kỹ thuật: 49 người, chiếm tỷ lệ 37,12%.

Biểu tổng hợp số liệu lao động

Đơn vị tính: Người

STT	Năm	Số lao động	Trình độ		
			Đại học, trên Đại học	Cao đẳng, Trung cấp	Công nhân kỹ thuật, LĐPT
1	2016	176	58	44	74
-	Tỷ lệ (%)		32,95%	25%	42,05%
2	2017	166	59	40	67
-	Tỷ lệ (%)		35,54%	24,01%	40,36%
3	2018	152	52	38	62
-	Tỷ lệ (%)		34,21%	25%	40,79%
4	2019	145	57	34	54
-	Tỷ lệ (%)		39,31%	32%	37,24%
5	2020	132	56	27	49
-	Tỷ lệ (%)		42,43%	20,45%	37,12%

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020

1.1. Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

- Diện tích tưới, tiêu thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 đạt: 120.638,43 ha, so với kế hoạch (83.624,97 ha) vượt 37.013,50 ha = 144,26%. Cụ thể:

+ Nguyên nhân giảm diện tích tưới, tiêu cho cây trồng và cấp nước nuôi trồng thủy sản là do thu hồi đất nông nghiệp để phát triển các khu, cụm công nghiệp, làm đường giao thông, xây dựng trụ sở cơ quan, công trình phúc lợi công cộng; nhân dân bỏ ruộng không gieo trồng, nhất là cây vụ đông. Diện tích tưới, tiêu cho cây trồng 74.443,66 ha, so với kế hoạch (81.950,69 ha) giảm 7.507,03 ha = 90,84%; diện tích cấp nước nuôi trồng thủy sản 1.338,65 ha, so với kế hoạch (1.674,28 ha) giảm 335,63 ha = 79,95%;

+ Nguyên nhân tăng diện tích: Từ 01/7/2018 Luật Thủy lợi có hiệu lực, trong đó có quy định cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là tiêu thoát nước cho khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị. Do vậy diện tích thực hiện tăng so với kế hoạch chủ yếu là do tăng diện tích tiêu thoát nước cho khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị. Diện tích tiêu thoát nước cho khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị là 44.856,15 ha, so với kế hoạch tăng 44.856,15 ha.

- Doanh thu và thu nhập khác thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 là 140.863,59 triệu đồng, so với kế hoạch (136.799,90 triệu đồng) tăng 4.063,69 triệu đồng = 102,97%. Cụ thể:

+ Doanh thu từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2016 - 2020 là 112.156,36 triệu đồng, so với kế hoạch (117.557,50 triệu đồng) giảm 5.401,14 triệu đồng = 95,41%. Nguyên nhân của việc giảm doanh thu là do giảm diện tích gieo trồng do thu hồi đất nông nghiệp để phát triển các khu, cụm công nghiệp, làm đường giao thông, xây dựng trụ sở cơ quan, công trình phúc lợi công cộng mặt khác nhân dân bỏ ruộng không gieo trồng, nhất là cây vụ đông.

+ Doanh thu từ cấp nước cho công nghiệp, sân golf giai đoạn 2016 - 2020 là 6.365,99 triệu đồng, so với kế hoạch (4.243,10 triệu đồng) tăng 2.122,89 triệu đồng = 150,03%. Nguyên nhân của việc tăng doanh thu là do tăng sản lượng cung cấp cho các đơn vị sử dụng nước.

+ Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện 22.341,24 triệu đồng, so với kế hoạch (14.999,30 triệu đồng) tăng 7.341,94 triệu đồng = 148,95%. Do hoạt động tư vấn, xây lắp tăng 820,24 triệu đồng vì các đơn vị đã chủ động thực hiện các nhiệm vụ được Công ty giao; Công ty được ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí chống hạn vụ chiêm và lãi từ hoạt động tài chính của Công ty.

- Chi phí thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 là 140.434,13 triệu đồng, so với kế hoạch (136.626,36 triệu đồng) tăng 3.807,77 triệu đồng = 102,79%. Nguyên nhân tăng chi phí là do tăng doanh thu nên phải tăng chi phí để đảm bảo các hoạt động được thực hiện đầy đủ.

- Lợi nhuận (lãi/lỗ) trong giai đoạn 2016 - 2020 là 429,7 triệu đồng so với kế hoạch (173,54 triệu đồng) tăng 256,16 triệu đồng = 247,61%. Nguyên nhân lợi nhuận tăng so với kế hoạch là do tăng doanh thu.

- Nộp ngân sách trong giai đoạn 2016 - 2020 là 2.780,22 triệu đồng, so với kế hoạch (1.524,25 triệu đồng) tăng 1.255,97 triệu đồng = 182,40%. Nguyên nhân tăng do doanh thu từ cấp nước cho công nghiệp tăng nên tăng số thuế giá trị gia tăng và thuế tài nguyên phải nộp tăng.

- Thu nhập bình quân của người lao động hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 là 6,87 triệu đồng/người/tháng, so với kế hoạch (5,49 triệu đồng) tăng 1,37 triệu đồng = 125,02%. Nguyên nhân tăng: Do số lao động giảm, hàng năm

Chính phủ điều chỉnh tăng tiền lương tối thiểu vùng, người lao động được nâng lương, nâng bậc nên thu nhập của người lao động tăng.

- Số lao động hàng năm giảm, năm sau giảm so với năm trước. Nguyên nhân giảm lao động: Một bộ phận người lao động xin thôi việc ở Công ty để đi làm cho các doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp tư nhân do thu nhập của Công ty thấp hơn so với thu nhập bình quân khu vực; một bộ phận lao động hết tuổi lao động, nghỉ chế độ hưu trí nên lao động của Công ty năm sau giảm hơn so với năm trước.

1.2. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020

1.2.1. Khó khăn, vướng mắc

- Doanh thu ngày càng giảm trong khi chi phí sản xuất kinh doanh ngày càng tăng nên ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động của Công ty.

- Số lao động ngày càng giảm, việc thu hút nguồn lao động chất lượng cao vào doanh nghiệp thủy lợi gặp nhiều khó khăn.

- Hệ thống công trình thủy lợi được giao quản lý, khai thác chưa đồng bộ, chưa hoàn thiện. Một số công trình thủy lợi đã bị xuống cấp hư hỏng, nhiều tuyến kênh mương và công trình thủy lợi chưa được đầu tư cải tạo nâng cấp.

1.2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Diện tích đất nông nghiệp ngày càng giảm dần do cát đất để phát triển các khu công nghiệp, các công trình phúc lợi công cộng, người dân bỏ ruộng không gieo trồng, nhất là cây vụ đông dẫn đến doanh thu từ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi của Công ty giảm theo hàng năm. Các công trình thủy lợi đầu mối được giao quản lý tăng lên như: Hồ chứa nước Đồng Mỏ và Trạm bơm tiêu Sơn Lôi nhưng không tăng được diện tích phục vụ.

+ Các khoản chi phí khác tăng thêm hàng năm: Lương tối thiểu vùng, trích nộp bảo hiểm, các chi phí để thực hiện Luật Thủy lợi (chi phí cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi), Luật Tài nguyên nước (Lập hồ sơ cấp phép khai thác sử dụng nước mặt; cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước; lập hồ sơ cấp quyền khai thác tài nguyên) đã làm tăng chi phí hoạt động của Công ty.

+ Định mức kinh tế kỹ thuật về quản lý, khai thác công trình thủy lợi đã được phê duyệt nhưng chưa được làm căn cứ để xây dựng kế hoạch đặt hàng hàng năm. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi chưa được điều chỉnh so với thực tế nên rất khó khăn cho các hoạt động của Công ty.

+ Lực lượng lao động ngày càng giảm do một số lao động đến tuổi nghỉ theo chế độ, một số chuyển công tác sang lĩnh vực khác trong khi việc tuyển dụng lực lượng lao động có chuyên môn cao gặp nhiều khó khăn.

+ Công trình thủy lợi mới bàn giao cho Công ty quản lý, khai thác chưa hoàn thiện như hồ Đồng Mỏ. Mặt khác đa số công trình thủy lợi xây dựng đã lâu, hiện nay đã xuống cấp và hư hỏng nhiều, nhất là các trạm bơm. Hệ thống kênh nội đồng phần lớn chưa được kiên cố hóa gây khó khăn cho công tác quản lý, khai thác.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Chưa có các biện pháp triệt để khắc phục những diện tích khó khăn về nguồn nước nên một số diện tích không canh tác được.

+ Thu nhập bình quân của người lao động tăng hàng năm nhưng so với các ngành nghề khác là thấp hơn nên chưa thu hút được nguồn lao động có chuyên môn cao.

+ Công ty không có đủ kinh phí để đầu tư sửa chữa các công trình thủy lợi bị hư hỏng, xuống cấp.

1.3. Hiệu quả hoạt động

1.3.1. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp

- Giai đoạn 2016 - 2020 Công ty đã thực hiện quản lý, sử dụng vốn và tài sản đúng quy định của Nhà nước, tiết kiệm chi phí, hàng năm hạch toán kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước.

- Nguồn vốn tăng hàng năm do được nhà nước đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi do đó hiệu quả tưới tiêu tốt hơn.

1.3.2. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Quản lý, vận hành hệ thống công trình được giao đảm bảo tuyệt đối an toàn, các hồ chứa nước ổn định, góp phần hạn chế những thiệt hại về người và tài sản của nhân dân vùng hạ du khi có mưa lũ.

- Duy tu sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi trong khu vực quản lý an toàn và hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí, đảm bảo hệ thống các công trình thủy lợi luôn an toàn, thông thoáng sẵn sàng cho phục vụ sản xuất.

- Cấp nước đầy đủ cho nông nghiệp, các ngành kinh tế khác và đời sống dân sinh kinh tế xã hội trong vùng, đảm bảo không thiếu nước, không bị ngập úng tạo điều kiện tốt cho phát triển kinh tế vùng.

- Về đầu tư xây dựng cơ bản: Các dự án đầu tư đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và các quy định của Nhà nước; đảm bảo chất lượng, tiến độ, góp phần nâng cao tài sản, nâng cao hiệu quả tích nước và dẫn nước.

- Đảm bảo việc làm, mọi chế độ của người lao động được giải quyết đầy đủ đúng quy định của Nhà nước, đời sống người lao động ổn định và được cải thiện.

Bảng tổng hợp kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh

T	T	Nội dung	ĐV tính	Theo Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 16/03/2017										Kết quả thực hiện						Tăng/giảm so với kế hoạch					Thực hiện/kế hoạch (%)
				2016	2017	2018	2019	2020	Tổng	2016	2017	2018	2019	2020	Ước 2020	Tổng	2016	2017	2018	2019	2020				
1		Tổng diện tích tưới, tiêu, cấp nước	Ha	15.851,52	17.236,33	16.869,18	16.864,18	16.803,76	83.624,97	16.055,65	15.905,72	30.189,48	29.286,56	29.201,06	120.638,47	204,13	1.330,61	13.320,30	12.422,38	12.397,30	144,26				
2		Tổng doanh thu	Trđ	28.549,30	26.709,90	27.020,20	27.208,60	27.311,90	136.799,9	29.677,05	28.243,17	28.979,58	27.240,06	26.723,98	140.863,59	1.127,75	1.533,27	1.959,38	31,46	-587,92	102,97				
-		Chi tiết doanh thu từ hoạt động các ngành kinh doanh chính																							
+		Thu từ Thuỷ lợi phí	Trđ	22.943,40	23.946,20	23.584,60	23.581,60	23.501,70	117.557,5	23.307,15	22.983,49	23.064,31	21.335,49	21.465,92	112.156,36	363,75	-962,71	-520,29	-2.246,11	-2.035,78	95,41				
+		Thu từ cấp nước công nghiệp	Trđ	778,3	639	933,6	945	947,2	4.243,10	922,55	1.180,84	1.334,92	1.322,54	1.605,14	6.365,99	144,25	541,84	401,32	377,54	657,94	150,03				
-		Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác	Trđ	4.827,60	2.124,70	2.502	2.682	2.863	14.999,30	5.447,35	4.078,84	4.580,35	4.582,03	3.652,67	22.341,24	619,75	1.954,14	2.078,35	1.900,03	789,67	148,95				
+		Thu từ Tư vấn xây lắp	Trđ	2.808,70	2.015	2.400	2.500	2.600	12.323,7	3.179,15	2.278,85	2.111,16	2.792,11	2.782,76	13.143,94	370,45	263,85	-288,84	292,11	182,67	106,66				
+		Thu nước sạch	Trđ				81	162	243									-81	-162						
+		Thu khác	Trđ	2.018,90	109,70	102	101	101	2.432,60	2.268,20	1.799,99	2.469,19	1.789,92	870,25	9.197,3	249,30	1.690,29	2.367,19	1.688,92	769,25	378,09				
3		Tổng chi phí	Trđ	28.488,82	26.704,84	26.990,20	27.173,60	27.271,9	136.626,36	29.594,87	28.172,5	28.728,11	27.227,52	26.711,13	140.434,13	1.109,05	1.467,66	1.737,91	53,92	-560,77	102,79				
4		Lợi nhuận	Trđ	63,48	5,06	30	35	40	173,54	82,17	70,66	251,47	12,55	12,85	429,70	18,69	65,60	221,47	-22,45	-27,15	247,61				
5		Nộp ngân sách	Trđ	359,70	189,95	320	327,25	337,35	1.524,25	343,4	626,86	724,78	514,23	570,95	2.780,22	-6,30	436,91	404,78	186,98	233,60	182,40				
6		Thu nhập bình quân đầu người	Trđ /người /tháng	5,16	5,55	5,5	5,6	5,65	27,46	6,38	6,89	7,59	6,68	6,79	34,33	1,23	1,34	2,09	1,08	1,14	125,02				
7		Số lao động	Người	180	178	180	180	180	180	176	166	152	145	134	154	-4	-12	-28	-35	-46	86,08				

2. Việc quản lý, khai thác các công trình thủy lợi được giao

- Hệ thống các hồ chứa: Hiện nay Công ty đang quản lý 07 hồ chứa nước lớn, 01 hồ chứa nước vừa, 124 hồ chứa nước nhỏ. Công tác quản lý, vận hành đúng quy trình, các hồ đập tuyệt đối an toàn, đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất.

- Hệ thống đập dâng: Tổng số đập dâng ngang suối là 46 đập; trong đó đã kiên cố 21 đập, các đập còn lại hầu hết bằng đất đá đắp hỗn hợp chưa được kiên cố.

- Hệ thống trạm bơm: Hệ thống trạm bơm cố định gồm 34 trạm bơm trong đó bơm điện 31 trạm, bơm dầu 02 trạm, bơm tiêu 01 trạm. Hệ thống trạm bơm được quản lý, vận hành đảm bảo an toàn, đúng quy trình, bơm tưới kịp thời phục vụ sản xuất.

- Hệ thống kênh tưới các loại: Tổng số 907,9 km kênh tưới (Trong đó: Kênh loại II 137,91km đã kiên cố 126,88km đạt 92%; kênh loại III: 320,19km đã kiên cố 228,73km đạt 71%; kênh nội đồng: 454,43km đã kiên cố 3,91km đạt 0,8%); 78,8 km kênh tiêu. Hệ thống kênh mương thường xuyên được nạo vét, các vị trí bị vỡ lở, bồi lắng được khắc phục đảm bảo dẫn nước phục vụ sản xuất.

3. Tình hình thực hiện đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2016-2020

- Tổng số dự án có vốn giai đoạn 2016 - 2020 là 60 dự án với tổng vốn cấp 94,94 tỷ đồng, vốn đã giải ngân 72,21 tỷ đồng đạt 76% vốn cấp. Trong đó dự án chuyển tiếp là 42 dự án với tổng vốn cấp là 46,17 tỷ đồng, giải ngân 35,69 tỷ đồng; dự án mới: 18 dự án với tổng vốn cấp 48,77 tỷ đồng, giải ngân 35,52 tỷ đồng.

- Các công trình Công ty được giao làm chủ đầu tư được triển khai đúng quy định của Nhà nước, tổ chức thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ, kỹ, mỹ thuật, nguồn vốn được quản lý chặt chẽ. Các dự án được đầu tư đều phát huy được mục tiêu của dự án đã đề ra, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nơi có dự án.

Biểu tổng hợp tình hình đầu tư hàng năm

TT	Năm	Số dự án	Vốn cấp đến hết 31/10/2020 (Tr.đ)			Vốn giải ngân đến hết 31/10/2020 (Tr.đ)			Tỷ lệ giải ngân/vốn cấp (%)
			Tổng	Nguồn đầu tư công	Nguồn vốn khác	Tổng	Nguồn đầu tư công	Nguồn vốn khác	
	Tổng	60	94.938,10	94.938,10		72.210,70	72.210,70	-	76,06
I	Giai đoạn 2010-2015 chuyển tiếp sang 2016-2020	42	46.168,10	46.168,10		35.687,90	35.687,90	-	77,30

II	Giai đoạn 2016- 2020	18	48.770,00	48.770,00		36.522,80	36.522,80	-	74,89
1	2016	4	18.247,10	18.247,10		18.247,10	18.247,10		100,00
2	2017	4	7.799,40	7.799,40		7.799,40	7.799,40		100,00
3	2018	3	3.923,50	3.923,50		3.923,50	3.923,50		100,00
4	2019	3	4.300,00	4.300,00		3.533,30	3.533,30		82,17
5	2020	4	14.500,00	14.500,00		10.808,9	10.808,9		74,54

4. Đánh giá chung thuận lợi và khó khăn, vướng mắc kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020

4.1. Thuận lợi

- Luật Thủy lợi có hiệu lực; các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi để Công ty quản lý, khai thác hiệu quả công trình thủy lợi.

- Công ty được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sở NN&PTNT Vĩnh Phúc, các sở ban ngành trong tỉnh, UBND các huyện, sự phối hợp chặt chẽ với các xã và nhân dân trong địa bàn Công ty phục vụ.

- Tập thể Đảng ủy, Ban lãnh đạo, các phòng, ban, đơn vị, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội cùng toàn thể CBCNV trong Công ty có truyền thống đoàn kết, có trình độ, kinh nghiệm điều hành, chủ động khắc phục khó khăn, làm việc có trách nhiệm, năng động sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được Nhà nước giao.

- Hệ thống các hồ chứa lớn đã được cải tạo nâng cấp, kênh loại II, III cơ bản đã được kiên cố, một số công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng mới và bàn giao cho Công ty như trạm bơm tiêu Sơn Lôi, hồ Đồng Mỏ, một số công trình thủy lợi đã được đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp cơ bản đáp ứng nhu cầu dùng nước của nhân dân.

4.2. Khó khăn, vướng mắc

- Hàng năm hạn hán thường xảy ra vào vụ chiêm xuân, mưa lũ xảy ra vào vụ mùa gây khó khăn cho công tác quản lý vận hành công trình, tưới tiêu phục vụ sản xuất.

- Địa hình phức tạp, các hồ chứa không hỗ trợ nguồn nước cho nhau do bị chia cắt bởi đồi núi; các khu tưới chênh lệch độ cao lớn, ruộng bậc thang, chủ yếu là đất cát pha, ô thửa nhỏ dẫn đến dễ bị thất thoát nước, việc đưa nước vào từng thửa ruộng tốn nhiều thời gian, lãng phí nước, có những vùng vừa cấp nước ngày hôm trước đến ngày hôm sau kiểm tra ruộng đã không còn nước.

- Các công trình thủy lợi nội đồng như các hồ, trạm bơm điện quá cũ, hệ thống điện xuống cấp làm mất an toàn trong công tác vận hành và hao phí nhiều

điện năng làm tăng chi phí. Nhiều đập dâng ngang suối chưa được kiên cố bị phá vỡ hoàn toàn khi có mưa 20 mm trở lên do vậy thường xuyên phải khắc phục công trình gây tốn kém và ảnh hưởng đến công tác cấp nước cho sản xuất. Hệ thống kênh thường xuyên bị vi phạm; xả thải gây ô nhiễm môi trường; kênh mương bị vỡ lở do đất đá, cây, rác sô lấp kênh.

- Công tác xác nhận diện tích nghiệm thu hàng vụ còn gặp nhiều khó khăn.

4.3. Nguyên nhân

- Diễn biến thời tiết bất thường gây ra hạn hán và mưa lũ, nguồn nước các hồ hạn chế phụ thuộc nhiều vào yếu tố thiên nhiên, gây khó khăn cho công tác quản lý vận hành công trình, tưới tiêu phục vụ sản xuất.

- Địa hình miền núi, trung du nên bị chia cắt bởi đồi núi, chênh lệch giữa các khu tưới cao, đất cát pha có hệ số thấm nước lớn, đồng ruộng ô thửa nhỏ, manh mún, dẫn đến dễ bị thất thoát nước, việc đưa nước vào từng thửa ruộng tốn nhiều thời gian, lãng phí nước. Nhân dân trong vùng tỷ lệ người dân tộc cao, sản xuất tự phát, manh mún do đặc thù trong khu vực đa phần là người dân tộc còn quen với lối sản xuất thâm canh cũ lạc hậu, việc tiếp cận với khoa học kỹ thuật còn nhiều hạn chế.

- Các công trình nhận bàn giao từ các địa phương xây dựng từ lâu, việc đầu tư tu bổ sửa chữa còn hạn chế do vậy xuống cấp nghiêm trọng. Nhiều đập dâng ngang suối, hiện nay chưa được kiên cố hóa được đắp bằng đất đá, không ổn định khi có mưa là bị phá vỡ hoàn toàn. Hệ thống kênh chạy theo ven đồi núi, ven làng do vậy chịu tác động lớn của thời tiết, con người và các yếu tố khác gây vỡ lở đất đá, cây que sô lấp, lấn chiếm, vi phạm, xả rác thải, nước thải không được kiểm soát chặt chẽ, ô nhiễm môi trường, ách tắc dòng chảy

- Công tác xác nhận diện tích nghiệm thu còn gặp nhiều khó khăn do lấy theo số liệu thống kê hàng năm làm căn cứ, trong khi qua nhiều cuộc khảo sát số liệu thống kê thường thấp hơn số liệu diện tích gieo trồng thực tế đã ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

- Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

- Căn cứ Chiến lược phát triển doanh nghiệp 10 năm giai đoạn 2016-2025 đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt tại Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 16/3/2017;

- Căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 5 năm của tỉnh Vĩnh Phúc giai, giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ các điều chỉnh quy định của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025 về giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, dự báo việc thu tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi là công việc do Công ty phải thực hiện.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Quản lý công trình phải tuyệt đối an toàn, khai thác công trình một cách có hiệu quả, phục tốt cho sản xuất nông nghiệp của các địa phương.

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp hoàn thiện hệ thống thủy lợi để nâng cao chất lượng phục vụ; duy trì năng lực công trình, chống xuống cấp.

- Hàng năm tưới tiêu đảm bảo cho diện tích hợp đồng: Bám sát lịch thời vụ của tỉnh để có kế hoạch tưới tiêu phù hợp, phục vụ đáp ứng nhu cầu sản xuất, góp phần nâng cao năng xuất, sản lượng cây trồng cho các xã, thị trấn trên địa bàn phục vụ.

- Áp dụng các tiên bộ khoa học kỹ thuật để xây dựng kế hoạch tưới tiêu khoa học, tiết kiệm nước cho các hồ đập nhằm tạo nguồn nước phục vụ cho các dịch vụ khác.

- Mở rộng thêm các dịch vụ nhằm tăng thêm doanh thu, đảm bảo đủ kinh phí để duy tu bảo dưỡng, vận hành hệ thống. Các dịch vụ gồm:

+ Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng: Thực hiện tư vấn đầu tư cho các dự án, các công trình do Công ty quản lý; mở rộng ký kết hợp đồng tư vấn đầu tư cho các dự án trong và ngoài ngành, các dự án của địa phương.

+ Dịch vụ du lịch: Đối với một số hồ có điều kiện tự nhiên và cảnh quan đẹp sẽ liên kết với các đơn vị xây dựng khu du lịch sinh thái để kinh doanh như hồ Xạ Hương, hồ Thanh Lanh.

+ Dịch vụ nuôi trồng thủy sản: Các hồ chứa có điều kiện nuôi trồng thủy sản sẽ cho các cá nhân, đơn vị thuê mặt nước nuôi như hồ: Vĩnh Thành, Làng Hà, Xạ Hương, Bản Long, Gia Khau, Thanh Lanh.

+ Cấp nước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Đảo, Công ty TNHH Một thành viên 95 và các khu công nghiệp khác khi có nhu cầu.

+ Cấp nước cho các nhà máy nước sinh hoạt khi có nhu cầu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025

Diện tích tưới tiêu giảm hàng năm do thu hồi đất để xây dựng các khu, cụm công nghiệp, làm đường giao thông, xây dựng các trụ sở cơ quan, các công trình phúc lợi công cộng và đặc biệt là nhân dân bỏ ruộng không gieo trồng nhất là

cây vụ đông dẫn đến doanh thu của Công ty năm sau thấp hơn năm trước. Công ty xây dựng mục tiêu giai đoạn 2021- 2025 như sau:

- Tổng doanh thu giai đoạn 2021-2025 đạt 88.019,80 triệu đồng
- Tổng chi phí giai đoạn 2021-2025 đạt: 87.819,80 triệu đồng
- Tổng lợi nhuận giai đoạn 2021-2025: 200 triệu đồng.
- Nộp ngân sách nhà nước: 2.650 triệu đồng.
- Lương bình quân của người lao động: 6,82 triệu đồng/người/tháng.
- Số lao động bình quân hàng năm: 127 người
- Tổng diện tích tưới tiêu: 88.989 ha

b) Định hướng phát triển một số lĩnh vực ngành nghề sản xuất kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính:

+ Vận hành hệ thống tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủy sản;

+ Tiêu thoát nước cho khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị;

+ Tiêu thoát nước cho các khu công nghiệp, sân golf;

- Các ngành nghề kinh doanh khác.

+ Tư vấn khảo sát thiết kế, giám sát, lập báo cáo đầu tư, lập dự án, lập dự toán các công trình nông nghiệp, thủy lợi, dân dụng;

+ Cung cấp nước sạch cho dân sinh và các ngành kinh tế khác;

+ Cho các tổ chức, cá nhân thuê mặt nước hồ để nuôi trồng thủy sản.

c) Quản lý, bảo vệ, sửa chữa các công trình thủy lợi

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ công trình thủy lợi, ngăn chặn kịp thời hiện tượng vi phạm công trình thủy lợi, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương vận động tuyên truyền người dân thực hiện nghiêm Luật Thủy lợi.

- Đầu tư sửa chữa công trình đảm bảo tưới tiêu hiệu quả.

3. Kế hoạch triển khai

3.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Nhiệm vụ trọng tâm của Công ty là phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn 18 xã thuộc 3 huyện Tam Đảo, Tam Dương và Bình Xuyên nên chỉ tiêu sản phẩm chính là diện tích tưới tiêu.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng
1	Tổng doanh thu hàng năm	Tr.đ	17.824,66	17.544,71	17.344,09	17.593,48	17.712,86	88.019,80

1.1	Thu từ hoạt động ngành nghề kinh doanh chính							
-	Thu từ cung cấp dịch vụ công ích thủy lợi	Tr.đ	14.894,66	14.514,71	14.264,09	14.013,48	13.762,86	71.449,80
1.2	Thu từ các ngành nghề kinh doanh khác							
-	Thu từ cấp nước công nghiệp	Tr.đ	1.400	1.450	1.450	1.800	2.100	8.200,00
-	Thu nước sạch	Tr.đ		0	50	80	100	230,00
-	Cho thuê mặt nước nuôi trồng thủy sản	Tr.đ	80	80	80	100	100	440,00
-	Tư vấn kỹ thuật, xây lắp công trình	Tr.đ	1.450	1.500	1.500	1.600	1.650	7.700,00
2	Chi phí	Tr.đ	17.814,66	17.524,71	17.314,09	17.543,48	17.622,86	87.819,80
3	Lợi nhuận hàng năm	Tr.đ	10	20	30	50	90	200,00
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	500	500	520	550	580	2.650,00
5	Lương bình quân/tháng	Tr.đ	6,7	6,7	6,8	6,9	7,0	6,82
6	Lao động	Người	120	120	125	130	140	127,00
7	Diện tích tưới, tiêu	Ha	18.464,04	18.068,64	17.777,04	17.485,44	17.193,83	88.989,00
-	Diện tích tưới tiêu, cấp nước	Ha	12.481,78	12.086,38	11.794,78	11.503,18	11.211,57	59.077,70
-	Diện tích tiêu thoát nước cho khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị	Ha	5.982,26	5.982,26	5.982,26	5.982,26	5.982,26	29.911,30

3.2. Kế hoạch đầu tư phát triển

Nhiệm vụ của Công ty là quản lý chặt chẽ hệ thống công trình thủy lợi được giao đảm bảo an toàn, ổn định để phục vụ tưới tiêu, trong 5 năm 2021 - 2025 Công ty thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Về sửa chữa thường xuyên: Bố trí đủ kinh phí để duy tu, sửa chữa nhỏ hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo luôn ổn định, không xuống cấp.

- Về sửa chữa lớn: Tập trung sửa chữa các hạng mục công trình sử dụng lâu năm đã hư hỏng, xuống cấp để duy trì năng lực công trình.

- Đầu tư nâng cấp công trình thủy lợi:

+ Đầu tư nâng cấp kênh chính các hồ chứa như hồ Vĩnh Thành, Làng Hà, Xạ Hương, Gia Khau, Thanh Lanh, Bản Long, Đồng Mỏ.

+ Kiên cố hóa kênh mương, đập dâng ngang suối; cải tạo nâng cấp các trạm bơm hàng năm trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025.

Biểu tổng hợp dự kiến tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025

Năm	Nguồn vốn đầu tư công		Nguồn vốn khác		Tổng cộng vốn đầu tư (tr.đồng)
	Dự án	Vốn đầu tư (Tr.đ)	Hạng mục đầu tư	Vốn đầu tư (Tr.đ)	
2021	18	125.500			125.500
2022	14	90.200			90.200
2023	11	83.000			83.000
2024	18	80.200			80.200
2025	15	77.000			77.000
Tổng số	76	455.900			455.900

4. Các giải pháp thực hiện

4.1. Giải pháp về tài chính

Để có nguồn tài chính chi cho các hoạt động sản xuất của Công ty cần thực hiện các giải pháp sau:

- Khai thác, mở rộng diện tích phục vụ để tăng doanh thu;
- Xây dựng đề án và áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm để có nguồn cấp nước cho các khu công nghiệp nhằm tăng doanh thu;
- Áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật để giao khoán các khoản chi phí cho các đơn vị hợp lý, tiết kiệm;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chi tiêu của các đơn vị, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất.

4.2. Giải pháp về sản xuất kinh doanh

a) Công tác tưới tiêu: Tập trung 4 giải pháp chủ yếu sau:

- Sử dụng các nguồn nước phải tiết kiệm, các Xí nghiệp Thủy lợi phải lập kế hoạch điều tiết nước cho từng hệ thống cụ thể với tinh thần tưới tiết kiệm, không để xảy ra hạn hán.

- Tăng cường các biện pháp tưới tiêu khoa học tiết kiệm nước để mở rộng diện tích tưới và đáp ứng nhu cầu cấp nước cho khu công nghiệp.

- Chủ động phương án chống hạn cho toàn Công ty, sẵn sàng đối phó khi có hạn hán xảy ra. Phương án chống hạn phải được lập hàng năm cụ thể cho từng Xí nghiệp bao gồm các giải pháp sau:

+ Giải pháp công trình: Xây dựng trạm bơm giã chiến chống hạn; nạo vét các kênh tưới, đắp đập dâng nước để tạo nguồn bơm; khoanh vùng cho các xã có điều kiện bơm hỗ trợ cho hồ đập.

+ Giải pháp phi công trình: Huy động CBCNV bám sát kênh mương để điều tiết tưới theo kế hoạch; phối hợp với chính quyền địa phương quy hoạch lại vùng trồng lúa, chuyển đổi cây trồng; tuyên truyền nhân dân phối hợp lấy nước để tránh lãng phí, thất thoát nước; tăng cường kiểm tra các Xí nghiệp để hướng dẫn và chấn chỉnh những sai sót trong điều tiết; hàng tháng phải cân đối lượng nước sử dụng của các hồ để có biện pháp tưới cho tháng sau.

- Tiếp tục điều tra diện tích tưới của các xã, nắm chắc diện tích phục vụ.

b) Công tác phòng chống lụt bão

- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý công trình theo đúng quy định đảm bảo an toàn hồ đập.

- Tổ chức kiểm tra công trình trước mùa mưa lũ, làm tốt công tác kiểm định an toàn đập nhằm đánh giá sự an toàn công trình để có biện pháp quản lý. Chủ động lập phương án PCTT & TKCN cho các hồ chứa.

- Mùa mưa lũ tổ chức trực PCTT tại các đầu mối hồ đập nghiêm túc, thực hiện tích nước và xả lũ đúng quy trình, quy phạm.

- Sau các đợt mưa lũ tổ chức kiểm tra công trình đảm bảo an toàn, đánh giá thiệt hại do mưa lũ gây ra.

c) Về Marketing phát triển thị trường, phát triển một số ngành nghề lĩnh vực kinh doanh khác

- Căn cứ vào diện tích rà soát hàng năm của các xã, các Xí nghiệp thực hiện ký hợp đồng với các đơn vị dùng nước để có kế hoạch phục vụ tưới, tiêu.

- Mở rộng đa ngành nghề kinh doanh đảm bảo ổn định đời sống CBCNV.

- Hai đơn vị hoạt động kinh doanh khác năng động tìm kiếm việc bên ngoài để tăng doanh thu cho Công ty và thu nhập cho người lao động.

- Đưa trạm cấp nước sạch thôn Làng Hà và thôn Đồng Bả xã Hồ Sơn vào hoạt động để cung cấp nước sạch cho dân sinh, tăng thu doanh cho Công ty.

d) Đổi mới công nghệ, kỹ thuật sản xuất

- Từng bước áp dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý, khai thác, vận hành hồ đập, trạm bơm.

- Áp dụng biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào sản xuất để tăng năng xuất lao động, tiết kiệm chi phí.

4.3. Giải pháp sắp xếp tổ chức bộ máy; thu hút, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực

- Sắp xếp bố trí lại lực lượng lao động cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng bộ phận, từng hệ thống công trình đảm bảo hoạt động có hiệu quả.

- Tăng cường cho cán bộ dự các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ của ngành tổ chức nhằm tiếp cận và ứng dụng được các tiến bộ khoa học công nghệ mới; hàng năm bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân.

- Tìm nguồn vốn để tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực cho các tổ chức dùng nước trong hệ thống.

- Xây dựng phương án giao khoán quỹ tiền lương gắn với năng suất lao động, diện tích phục vụ cho các đơn vị nhằm nêu cao tinh thần trách nhiệm của CBCNV-LĐ.

4.4. Giải pháp về phối hợp thực hiện hiệu quả các ngành kinh doanh chính và các ngành nghề kinh doanh khác

- Quản lý điều hành phải bám sát nhiệm vụ được giao; phải tuân thủ sự chỉ đạo của cấp trên; phải dự báo được tình hình để có phương án điều hành hợp lý.

- Các Xí nghiệp trực thuộc phải duy trì chế độ trực, báo cáo định kỳ đều đặn để nắm bắt tình hình và triển khai nhiệm vụ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở về thực hiện các chủ trương biện pháp đề ra.

- Tăng cường đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh nhanh và chính xác đảm bảo sản xuất ổn định, đặc biệt là trong công tác phòng chống thiên tai và TKCN.

- Các phòng chuyên môn phải làm tốt công tác tham mưu, phải sâu sát cơ sở để nắm bắt thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, giúp lãnh đạo điều hành sản xuất.

4.5. Giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư

a) Công tác xây dựng cơ bản

- Thực hiện hiệu quả, đúng quy trình, thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành. Tăng cường kiểm tra giám sát các công trình XD CB, thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật.

- Tiếp tục đề nghị UBND tỉnh đầu tư cải tạo nâng cấp các trạm bơm điện, các hồ đập nhỏ, các vai đập ngang suối để khắc phục các diện tích còn khó khăn về nước, đảm bảo an toàn công trình.

b) Công tác quản lý, sửa chữa công trình

Xây dựng và rà soát, điều chỉnh các định mức duy tu bảo dưỡng công trình để tiến tới lập kế hoạch duy tu bảo dưỡng hàng năm sát với thực tế, phù hợp với điều kiện làm việc. Tính toán xác định mức tiêu thụ cho từng vùng,

từng vụ để tiến tới lập kế hoạch tiêu thụ điện năng, kế hoạch tưới tiêu khoa học sát với thực tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các chính quyền các cấp

- Tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện nhằm nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của công trình thủy lợi, ý thức bảo vệ và tiết kiệm nguồn nước.

- UBND huyện, xã, thị trấn cần phối hợp với Công ty kiên quyết triển khai giải tỏa, cưỡng chế các điểm vi phạm hành lang công trình thủy lợi, các điểm thường xuyên bị xả thải gây ô nhiễm môi trường, thường xuyên đôn đốc người dân trong công tác quản lý nguồn nước, lấy nước vào ruộng.

- UBND các huyện, xã, thị trấn phối hợp với Công ty trong công tác bàn giao thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

2. Các đơn vị trong Công ty

1.1. Đối với Phòng Tổ chức Hành chính

Tham mưu về công tác kiện toàn bộ máy tổ chức, công tác cán bộ, thi đua khen thưởng, lao động tiền lương, công tác hành chính theo nhiệm vụ giao.

1.2. Phòng Kế hoạch Kỹ thuật

Tham mưu giúp việc cho Công ty về công tác xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất, kế hoạch phục vụ diện tích tưới tiêu sản xuất nông nghiệp, kế hoạch sửa chữa công trình, kế hoạch sử dụng điện, dầu, vật tư thiết bị trong sản xuất và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của các đơn vị được Công ty giao theo nhiệm vụ.

Công bố rộng rãi kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025.

1.3. Đối với Phòng Quản lý nước và Công trình

Thực hiện tốt việc phân cấp, quản lý công trình thủy lợi, các Xí nghiệp Thủy lợi phối hợp chặt chẽ với các đơn vị dùng nước. Tăng cường các biện pháp quản lý, chủ động phương án chống hạn, chống úng, vận hành hệ thống đạt hiệu quả, đáp ứng kịp thời nhu cầu về nước theo nhu cầu sản xuất.

1.4. Đối với phòng Tài vụ

Theo dõi sát sao tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kịp thời đề xuất cơ quan có thẩm quyền những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch. Quản lý, cấp phát kinh phí kịp thời, chặt chẽ theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

1.5. Đối với các Xí nghiệp Thủy lợi

Các Xí nghiệp Thủy lợi có trách nhiệm tuyên truyền nội dung kế hoạch, Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật, đồng thời thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện những vi phạm,

lập biên bản và kiến nghị xử lý tới chính quyền địa phương; thường xuyên bám sát kênh mương đồng ruộng để có lịch tưới phù hợp, dẫn nước đảm bảo tiết kiệm khoa học.

1.6. *Xi nghiệp Tư vấn Kỹ thuật, Xây lắp*

Chủ động tìm việc bên ngoài nhằm tạo việc làm, tăng doanh thu. Thực hiện công tác KSTK, xây lắp công trình đảm bảo đúng quy định Nhà nước, đảm bảo kỹ thuật chất lượng, tiến độ.

1.7. *Ban quản lý dự án công trình:*

Thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo đúng trình tự xây dựng cơ bản hiện hành, đưa công trình vào sử dụng có hiệu quả

Trên đây là Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 của Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Tam Đảo. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét báo cáo, trình UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt. /.

Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở: KH&ĐT; NN&PTNT; TC; LĐT&XH (b/c);
- Chủ tịch, GD, KSV Công ty;
- Các phòng, ban, đơn vị (t/h);
- Lưu: VT, KHKT.



Nguyễn Thanh Hòa

